

Số: 1498/KSBT-SKMT&YTTH
V/v thông báo kết quả giám sát chất lượng
nước sạch tại NMN Lương Yên
tháng 5/2025

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2025

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
CÔNG VĂN ĐẾN số: ✓
Giờ: Ngày: 11/6/25

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội.

Thực hiện công văn số 1152/KSBT-SKMT&YTTH ngày 13/5/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội về việc giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đợt I năm 2025, ngày 28/5/2025, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đã giám sát tăng cường vệ sinh, ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại Nhà máy nước Lương Yên thuộc Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội. Kết quả như sau:

1. Thông tin chung

Nhà máy nước Lương Yên sử dụng nguồn nước nguyên liệu là nước ngầm. Công suất thiết kế: 40.000m³/ngày đêm, sản lượng thực tế: 35.000m³/ngày đêm, cấp cho 18.000 đồng hồ trên địa bàn 04 phường Bạch Đằng, Phạm Đình Hổ, Phố Huế, Đồng Nhân - quận Hai Bà Trưng và một số khu vực lân cận theo mạng cấp nước chung của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội.

2. Hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch, công tác nội kiểm chất lượng nước

2.1. Hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch

- Đơn vị thực hiện thử nghiệm chất lượng nước nguyên liệu định kỳ, lần gần nhất tháng 10/2024.
- Đơn vị thực hiện lưu mẫu nước, có sổ theo dõi việc lưu mẫu nước.
- Hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước: có biên bản giao nhận và hồ sơ theo dõi sử dụng hóa chất (Clo lỏng).
- * - Đã xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Đơn vị có hồ sơ theo dõi việc thau rửa bể chứa nước sạch, thau rửa bể lần gần nhất ngày 21/11/2024.

2.2. Công tác nội kiểm chất lượng nước

- Thử nghiệm chất lượng nước sạch định kỳ: nội kiểm chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT. Cụ thể như sau:

+ Thông số nhóm A: thử nghiệm đủ 8 thông số hằng tháng, mỗi lần thử nghiệm 5 mẫu (1 mẫu tại nhà máy và 4 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối). Kết quả nội kiểm lần gần nhất ngày 01/4/2025, 5/5 mẫu đạt quy chuẩn. Ngày 19/5/2025 đơn vị đã lấy mẫu nội kiểm chất lượng nước định kỳ, tuy nhiên tại thời điểm giám sát chưa có kết quả thử nghiệm.*

+ Thông số nhóm B: nội kiểm đủ 91/91 thông số, lần gần nhất ngày 18/11/2024 thử nghiệm 5 mẫu (1 mẫu tại nhà máy và 4 mẫu trong mạng lưới đường ống phân phối), 5/5 mẫu đạt quy chuẩn. Tính đến thời điểm giám sát ngày 28/5/2025, đơn vị chưa nội kiểm thông số nhóm B (quá 6 tháng tính từ lần nội kiểm gần nhất).

2.3. Việc thực hiện thông tin, báo cáo chất lượng nước

Đơn vị đã thực hiện công khai thông tin về chất lượng nước bằng hình thức công khai trên trang thông tin điện tử Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội và báo cáo công tác nội kiểm theo quy định.

3. Kết quả giám sát vệ sinh chung

- Các khu vực của nhà máy đảm bảo vệ sinh. Bể chứa nước thành phẩm có nắp kín, khoá an toàn, lưới chắn côn trùng.
- Hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất nước đủ nhãn hóa chất (Clo lỏng).

4. Kết quả ngoại kiểm chất lượng nước (Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm).

- Số lượng mẫu: Lấy 3 mẫu nước thành phẩm, bao gồm 1 mẫu tại vòi sau bơm II của nhà máy nước (mẫu nước từ bể chứa của nhà máy nước cấp ra mạng lưới đường ống phân phối) và 2 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối tại vị trí vòi ngay sau đồng hồ cấp của 1 hộ gia đình và 1 khu chung cư.

- Thông số thử nghiệm: 18 thông số thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT, bao gồm 7 thông số nhóm A (không bao gồm Arsenic) và 11 thông số nhóm B (Amoni, chỉ số Pecmanganat, Chloride, Độ cứng, Sắt, Mangan, Sunphat, Nitrit, Nitrat, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus).

- Kết quả thử nghiệm: 3/3 mẫu nước đạt quy chuẩn.

5. Đề nghị

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đề nghị Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội chỉ đạo Nhà máy nước Lương Yên thực hiện các nội dung sau:

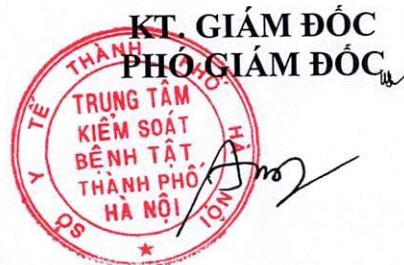
- Đảm bảo chất lượng nước cung cấp đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.

- Thực hiện nội kiểm chất lượng nước thành phẩm đủ thông số, số mẫu, tần suất theo quy định; tiếp tục thực hiện công khai thông tin và báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch theo quy định tại Văn bản hợp nhất Thông tư số 05/VBHN-BYT ngày 06/6/2022 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt./.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội - 70 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.
Điện thoại: 0243.7730.176. Email: gsnuochanoi@gmail.com

Nơi nhận:

- Như trên (để th/hiện);
 - Sở Y tế HN
 - Sở Xây dựng HN
 - Sở NN&MT HN
 - GD TTKSBT TPHN;
 - Lưu: VT, SKMT-YTTH.Huyện
- (để
b/cáo);



Nguyễn Thị Kiều Anh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.05.28.76 VSC

- Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước tại vòi sau bơm II của Nhà máy nước Lương Yên số 1 Trần Khát Chân, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
- Mô tả mẫu/Sample description: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
- Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/sending sample(s): 28/05/2025
- Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities: Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
- Kết quả thử nghiệm/Test results: 28/05 - 02/06/2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,5	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,7	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	8,5	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	110	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	15,6	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,5	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,6	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 02 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 02, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s)
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 Email: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.05.28.76 VSC

1. Tên mẫu: Mẫu nước tại vòi sau bơm II của Nhà máy nước Lương Yên số 1 Trần Khát
Name of sample Chân, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
Name/Address of customer 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu: Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
Sample description
4. Ngày nhận mẫu: 28/05/2025
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
Sample taking
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: 28/05/2025 - 02/06/2025
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 02, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐỒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đồ chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.05.28.74 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Lương Yên tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Nguyễn Khôi Nguyên, địa chỉ số 12 Thọ Lão, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng

Name/Address of customer

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội

70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample

28/05/2025

5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

performing/sending sample(s)

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates

28/05 - 02/06/2025

of testing activities

7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,4	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,6	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	8,5	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	126	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	14	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,6	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,4	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 02 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 02, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s)
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL

Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 Email: khoaxctnghiem.ytdphn@gmail.com



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.05.28.74 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Lương Yên tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Nguyễn Khôi Nguyên, địa chỉ số 12 Thọ Lão, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu:
Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample

28/05/2025

5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking

Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học

6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities

28/05/2025 - 02/06/2025

7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 02, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.05.28.75 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Lương Yên tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho chung cư Sun Grand City số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng

Name/Address of customer

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội

70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample

28/05/2025

5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

performing/sending sample(s)

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates

28/05 - 02/06/2025

of testing activities

7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,4	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,7	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	7,8	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	114	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	14	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,5	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,4	0,2-1,0

Hà Nội, 02 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 02, 2025

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING



ThS. Trần Văn An

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

PHÓ GIÁM ĐỐC

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội. The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 Email: khoa_xet_nghiem.ytdphn@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.05.28.75 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Lương Yên tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho chung cư Sun Grand City số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu:
Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample

28/05/2025

5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking

Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học

6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities

28/05/2025 - 02/06/2025

7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2025 / Hanoi, June 02, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic Recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của đơn gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.